

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/04/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+SAVR	7:25	7+13	0+0		1+18	0+0	
2		BK14+CTK3+RP1	7:25	6+16	0+0		5+17	0+0	Charge RP1-RP2
3		P4+BK3+RP2	7:25	11+10+1	0+0+0		7+0+1	0+0+0	
4		VSP01+P2+P1	9:25	4+14+2	0+0+0		5+13+4	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
1/ Điều phải về ngồi ghế phụ



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/04/2025	TO: TD1 - SAVR	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: KHOÀN - NPHÚ - QTRƯỜNG	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	KIỀU TUẤN ANH	TD1	54-55	2	13			82	DVL	Vietnamese
2	TRẦN VĂN NGHĨA	TD1	59	1	15			84	DVL	Vietnamese
3	LÊ HOÀI THIÊN	TD1	56	1	15			78	DVL	Vietnamese
4	TRẦN VĂN HIỆP	TD1	57	1	15			75	DVL	Vietnamese
5	NHÂM ĐỨC TUẤN	TD1	58	1	11			77	DVL	Vietnamese
6	ĐỖ THANH TIẾN	TD1	60	1	10			80	DVL	Vietnamese
7	TRẦN KIM CƯỜNG	SAVR	76-77	2	17	1	5	74	PVDLOGG	Vietnamese
8	KVARTNIKOV ALEXEY	SAVR	71	1	13			148	AMNGR	Russian
9	MIKHAEV ALEKSANDR	SAVR	81	1	7			98	AMNGR	Russian
10	ĐẶNG VIỆT CƯỜNG	SAVR	78	1	2			68	D-HANH	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC THỬA THIÊN	SAVR	82-83	2	20			72	BAKER HU	Vietnamese
12	KIZIN DMITRII	SAVR	66-67	2	10			93	AMNGR	Russian
13	LOSEV ALEKSEI	SAVR	72	1	5			92	AMNGR	Russian
14	GOLOVIN KONSTANTIN	SAVR	70	1	13			114	AMNGR	Russian
15	KUZNETSOV PAVEL	SAVR	73	1	4			92	AMNGR	Russian
16	DOMKIN EVGENII	SAVR	79-80	2	9			95	AMNGR	Russian
17	UMERBAEV RINAT	SAVR	75	1	10			79	AMNGR	Russian
18	KHUSAINOV RUSTAM	SAVR	74	1	7			92	AMNGR	Russian
19	DERBASOV ANDREI	SAVR	68-69	2	13			75	AMNGR	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD1	6	476	7	79	0	0	1		
2	SAVR	13	1.192	18	130	1	5	18		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.668</b>	<b>25</b>	<b>209</b>	<b>1</b>	<b>5</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.668</b>		<b>209</b>		<b>5</b>			

GRAND TOAL: 1.882 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/04/2025	TO: BK14 - CTK3 - RP1 - RC8	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: LHAÍ - NAM - HTNAM	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN NGOC TRUONG	BK14	61-62	2	20			55	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN HUNG	BK14	60	1	18			55	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN HUY GIANG	BK14	58-59	2	18			66	XAYLAP	Vietnamese
4	TRINH THANH GIANG	BK14	65	1	15	1	10	72	XAYLAP	Vietnamese
5	TRINH XUAN TAI	BK14	63-64	2	17			70	XAYLAP	Vietnamese
6	NINH VAN SON	BK14	56-57	2	17			70	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN QUOC KHIEM	CTK3	56-58	3	11			88	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM VAN KHANG	CTK3	52-53	2	9			76	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRUNG DUC	CTK3	70-71	2	9			75	ANTOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN DOAN	CTK3	31-32	2	18			50	BIEN DONG	Vietnamese
11	TRANG NGOC NAM	CTK3	35	1	15			71	BIEN DONG	Vietnamese
12	NGUYEN VAN BA	CTK3	34	1	7			63	BIEN DONG	Vietnamese
13	NGUYEN HUU BAO	CTK3	55	1	15			63	BIEN DONG	Vietnamese
14	HUYNH VAN THANG	CTK3	68	1	7			73	NAM TIEN	Vietnamese
15	ĐAO MINH VUONG	CTK3	59-60	2	13			56	NAM TIEN	Vietnamese
16	BUI TRAN TIEN	CTK3	64-65	2	13			66	NAM TIEN	Vietnamese
17	NGUYEN HUU NHAN	CTK3	69	1	8			63	NAM TIEN	Vietnamese
18	LA HAU	CTK3	61-62	2	16			64	NAM TIEN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN THANH	CTK3	54	1	11			61	NAM TIEN	Vietnamese
20	NGUYEN QUANG THANH	CTK3	66-67	2	7			70	NAM TIEN	Vietnamese
21	TRAN THUONG	CTK3	63	1	7			57	NAM TIEN	Vietnamese
22	NGUYEN TRI TIN	CTK3	33	1	3			82	DIEU PHAI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK14	6	388	10	105	1	10	5		
2	CTK3	16	1,078	25	169	0	0	17		
3	RP1	0	0	0	0	0	0	0+	CHUYEN 01 PAX TU RP1-RC8 (ghe phu)	
4	RC8	0	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	1,466	35	274	1	10	22		
WEIGHT KG			1,466		274		10			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/04/2025	TO: P4 - BK3 - RP2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: LINH - N.CƯỜNG - TÚ	ETA: 09:25
CAM - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN VĂN HUYỀN	P4	15-16	2	11			65	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN QUANG	P4	26-27	2	10			74	MERMAID	Vietnamese
3	LÊ TRƯỜNG HẬU	P4	23	1	10	1	12	79	MERMAID	Vietnamese
4	LÊ NGUYỄN KINH CHÂU	P4	18	1	5			69	VIỆT PHAT	Vietnamese
5	TRẦN VĂN NAM	P4	19	1	8			79	PSV	Vietnamese
6	ĐOÀN VĂN TUYẾN	P4	21	1	3			77	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN HỒNG	P4	20	1	6			52	PSV	Vietnamese
8	ĐÀO VĂN DŨNG	P4	17	1	5			75	PSV	Vietnamese
9	ĐOÀN VĂN AI	P4	12-13	2	11	1	20	61	PSV	Vietnamese
10	TRẦN VĂN CÂN	P4	22	1	8			70	PSV	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC CHI	P4	14	1	4			61	PSV	Vietnamese
12	PHẠM VĂN TÂN	BK3	33-34	2	11			69	XAYLAP	Vietnamese
13	TRỊNH HỒNG SƠN	BK3	38	1	13			61	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI TRUNG NHAN	BK3	41	1	11			54	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	BK3	35	1	9			62	XAYLAP	Vietnamese
16	LẠI XUÂN ĐUỘC	BK3	39-40	2	13			68	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐOÀN QUANG TRUNG	BK3	42-43	2	17			69	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐOÀN VĂN BĂNG	BK3	36-37	2	17			70	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN MẠNH HÙNG	BK3	28	1	10	1	13	72	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ QUANG PHƯỚC	BK3	32	1	13	1	12	68	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN VĂN ĐOÀN	BK3	30	1	14			77	XAYLAP	Vietnamese
22	LUƠNG XUÂN THANH	RP2	78-79	2	8	2	40	79	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P4	11	762	14	81	2	32	7		
2	BK3	10	670	14	128	2	25	0		
3	RP2	1	79	2	8	2	40	1		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.511</b>	<b>30</b>	<b>217</b>	<b>6</b>	<b>97</b>	<b>8</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.511</b>		<b>217</b>		<b>97</b>			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/04/2025	TO: VSP01 - P2 - P1	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: KHOÀN - NPHÚ - QTRƯỜNG	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐỖ MINH HỘI	VSP01	62	1	4			70	PSV	Vietnamese
2	PHẠM HUY ĐÀU	VSP01	60	1	4			71	PSV	Vietnamese
3	ĐẶNG VIỆT THÀNH	VSP01	59	1	6			65	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH TẾ	VSP01	61	1	5	1	17	75	PSV	Vietnamese
5	LÊ NGỌC HAI	P2	19-20	2	19			70	XAYLAP	Vietnamese
6	VŨ MẠNH THẮNG	P2	14-15	2	22			59	XAYLAP	Vietnamese
7	DUƠNG VĂN TUẤN	P2	12-13	2	18			74	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HIỀN	P2	02	1	15			58	XAYLAP	Vietnamese
9	LA VĂN GIANG	P2	16-17	2	13			70	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	P2	11	1	3			63	PSV	Vietnamese
11	LÊ NHỎ CANG	P2	08	1	8			70	PSV	Vietnamese
12	BUI LONG HUNG	P2	10	1	6			70	PSV	Vietnamese
13	PHẠM THANH HUNG	P2	03	1	5			63	PSV	Vietnamese
14	LÊ KHÁC BAO	P2	07	1	7			64	PSV	Vietnamese
15	HOÀNG VĂN CÔNG	P2	04-05	2	8			56	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH TRUNG	P2	18	1	5			78	PSV	Vietnamese
17	HOÀNG QUỐC LONG	P2	06	1	6			57	PSV	Vietnamese
18	TRẦN VĂN NGHĨA	P2	09	1	5			62	PSV	Vietnamese
19	TRẦN VĂN LUẬN	P1	28-29	2	21	3	45	68	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM MINH TÂM	P1	57	1	8	1	22	61	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	VSP01	4	281	4	19	1	17	5		
2	P2	14	914	19	140	0	0	13		
3	P1	2	129	3	29	4	67	4		
TOTAL		20	1.324	26	188	5	84	22		
WEIGHT KG			1.324		188		84			

GRAND TOAL: 1.596 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN